



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 02.03/21 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002	✓	✓	✓	C22QT5	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>Chau</u>	5,0	Năm	C22QT5	
3	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<u>Thu</u>	8,0	Tám	C22QT5	
4	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>Hạ</u>	8,0	Tám	C22QT5	
5	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>Hiền</u>	8,0	Tám	C22QT5	
6	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>Huỳnh</u>	6,0	Sáu	C22QT5	
7	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001	✓	✓	✓	C22QT5	
8	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020	<u>Khang</u>	7,0	Bảy	C22QT5	
9	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	✓	✓	✓	C22QT5	
10	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>Phi</u>	5,0	Năm	C22QT5	
11	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>Sơn</u>	5,0	Năm	C22QT5	
12	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>Thanh</u>	9,0	Chín	C22QT5	
13	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>Thảo</u>	7,0	Bảy	C22QT5	
14	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>Thảo</u>	8,0	Tám	C22QT5	
15	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>Thảo</u>	8,0	Tám	C22QT5	
16	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>Thảo</u>	5,0	Năm	C22QT5	
17	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<u>Thảo</u>	5,0	Năm	C22QT5	
18	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<u>Thắm</u>	7,0	Bảy	C22QT5	
19	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<u>Thắm</u>	6,0	Sáu	C22QT5	
20	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<u>Thư</u>	5,0	Năm	C22QT5	
21	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<u>Thư</u>	5,0	Năm	C22QT5	
22	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<u>Trung</u>	6,0	Sáu	C22QT5	
23	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002	✓	✓	✓	C22QT5	
24	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<u>Vi</u>	7,0	Bảy	C22QT5	
25	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<u>Vy</u>	6,0	Sáu	C22QT5	
26	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<u>Xuyên</u>	8,0	Tám	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 04 . Số bài thi: 22 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %

Ngày 31 tháng 03 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 05 tháng 13 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Thị Ngọc Thu





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 09.03.21 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100163	Nguyễn Thị Thu Ba	15/04/2002	✓	✓	✓	C22QT5	
2	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	Chy	7,0	Bảy	C22QT5	
3	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	✓	9,0	chín	C22QT5	
4	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	hạ	9,5	chín năm	C22QT5	
5	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	Thuy	8,0	Tám	C22QT5	
6	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	huynh	7,0	Bảy	C22QT5	
7	2010100098	Lê Thanh Hương	17/09/2001	✓	✓	✓	C22QT5	
8	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2020	kam	9,0	chín	C22QT5	
9	2010100158	Trần Thị Kiều Oanh	24/10/2001	✓	✓	✓	C22QT5	
10	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	Phi	7,0	Bảy	C22QT5	
11	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	Son	7,0	Bảy	C22QT5	
12	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	Thanh	10,0	Mười	C22QT5	
13	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	thao	9,0	chín	C22QT5	
14	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	Thao	8,0	Tám	C22QT5	
15	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	thao	10,0	Mười	C22QT5	
16	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	thao	7,0	Bảy	C22QT5	
17	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	thao	6,0	Sáu	C22QT5	
18	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	tham	9,0	chín	C22QT5	
19	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	tham	9,0	chín	C22QT5	
20	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	thue	6,5	Sáu năm	C22QT5	
21	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	thue	7,0	Bảy	C22QT5	
22	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	trung	8,0	Tám	C22QT5	
23	2010100147	Dương Minh Tuấn	19/08/2002	✓	✓	✓	C22QT5	
24	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	thuy	8,0	Tám	C22QT5	
25	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	vy	8,0	Tám	C22QT5	
26	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	xu	9,0	chín	C22QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 04 Số bài thi: 22 /Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 15 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trương Thị Ngọc Thu

TRƯỜNG

KHÁ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 02.03.21 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>Đại</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>Diệp</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
3	2010100179	Khương Nhất Hiếu	11/05/2001	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>Hoài</u>	8,0	Tám	C22QT6	
5	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>Khoa</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
6	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>Long</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
7	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>Luận</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
8	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>Minh</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
9	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>Minh</u>	9,0	Chín	C22QT6	
10	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>Minh</u>	8,0	Tám	C22QT6	
11	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>Nghĩa</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
12	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>Nhi</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
13	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>Phong</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
14	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>Phương</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
15	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	C22QT6	
16	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>Quyên</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
17	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>Sang</u>	9,0	Chín	C22QT6	
18	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>Tâm</u>	9,0	Chín	C22QT6	
19	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>Tân</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
20	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>Tiên</u>	9,0	Chín	C22QT6	
21	2010100183	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	16/12/2002	<u>Tiên</u>	5,0	Năm	C22QT6	
22	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>Trâm</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
23	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>Triều</u>	8,0	Tám	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 02 . Số bài thi: 21 / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 21 / 0Tỷ lệ đạt: 100, _____ %Ngày 31 tháng 03 năm 2021

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương OanhNgày 05 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 09.03.21 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A.1.11

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>Đại</u>	8,0	Tám	C22QT6	
2	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>Diệp</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
3	2010100179	Khương Nhất Hiếu	11/05/2001	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	C22QT6	
4	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>Hoài</u>	9,5	chín năm	C22QT6	
5	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>Khoa</u>	9,5	chín năm	C22QT6	
6	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>Long</u>	9,0	chín	C22QT6	
7	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>Luận</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
8	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>Minh</u>	6,5	Sáu năm	C22QT6	
9	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>Minh</u>	10,0	Mười	C22QT6	
10	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>Minh</u>	8,0	Tám	C22QT6	
11	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>Nghĩa</u>	9,0	chín	C22QT6	
12	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>Nhi</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
13	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>Phong</u>	9,0	chín	C22QT6	
14	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>Phương</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
15	2010100189	Nguyễn Đình Quốc	14/08/1999	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>	C22QT6	
16	2010100169	Bùi Ngọc Uyên	06/12/2002	<u>Uyên</u>	8,0	Tám	C22QT6	
17	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>Sang</u>	9,0	chín	C22QT6	
18	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>Tâm</u>	9,0	chín	C22QT6	
19	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>Tân</u>	8,0	Tám	C22QT6	
20	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>Tiên</u>	10,0	Mười	C22QT6	
21	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002	<u>Tiên</u>	6,0	Sáu	C22QT6	
22	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>Trâm</u>	7,0	Bảy	C22QT6	
23	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>Triều</u>	9,0	chín	C22QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 02 . Số bài thi: 21 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 21 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %

Ngày: 31 tháng 3 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày: 15 tháng 13 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 02.03.21 Giờ thi: 10g45 Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương T. N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	<u>Thu</u>	7,0	Bảy	C22TC	
2	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002	<u>Thu</u>	7,0	Bảy	C22TC	
3	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002	<u>Nguyệt</u>	7,0	Bảy	C22TC	
4	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002	<u>Nhi</u>	7,0	Bảy	C22TC	
5	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002	<u>Thanh Như</u>	6,0	Sáu	C22TC	
6	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002	<u>Sương</u>	6,0	Sáu	C22TC	
7	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	<u>Thành</u>	7,0	Bảy	C22TC	
8	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002	<u>Thư</u>	6,0	Sáu	C22TC	
9	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002	<u>Thương</u>	7,0	Bảy	C22TC	
10	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002	<u>Tú</u>	10,0	Mười	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 10 vắng thi: 0 . Số bài thi: 10 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 10 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, ____ %

Ngày 31 tháng 3 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 05 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Thu

Trương Thị Ngọc Thu

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu - (05003)

Ngày thi: 09.03.21 Giờ thi: 10 giờ Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Trương T.N. Thu Ký tên: Thu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	<u>Hiền</u>	8.0	Tám	C22TC	
2	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002	<u>Liễu</u>	8.0	Tám	C22TC	
3	2010120020	Dương Thị Thu	12/08/2002	<u>Thu</u>	7.0	Bảy	C22TC	
4	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002	<u>Nhi</u>	8.0	Tám	C22TC	
5	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002	<u>Thanh</u>	8.5	Tám năm	C22TC	
6	2010120029	Lê Thị Hoài	26/07/2002	<u>Hoài</u>	7.0	Bảy	C22TC	
7	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	<u>Thành</u>	9.0	Chín	C22TC	
8	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002	<u>Anh</u>	7.0	Bảy	C22TC	
9	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002	<u>Thương</u>	9.0	Chín	C22TC	
10	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002	<u>Tú</u>	10.0	Mười	C22TC	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 10 vắng thi: 0 . Số bài thi: 10 / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 10 / 0Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 15 tháng 03 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: RH2X3S

Thời gian thi: 13/04/2021 13:30:00

Thời gian kết thúc: 13/04/2021 14:30:00

Giám thị 1: Quang Hải Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: HT. Linh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT5	
2	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT5	
3	1910040031	Võ Hoàng Thành Đạt	29/04/2001				C21CK	
4	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22QT6	
5	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22QT5	
6	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT5	
7	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT5	
8	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	
9	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C22TC	<u>[Signature]</u>
10	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TC	
11	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT6	
12	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22QT5	
13	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22QT6	
14	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22QT6	
15	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22QT5	
16	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22TC	
17	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT5	
18	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22QT5	<u>[Signature]</u>
19	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 19

Số sinh viên đạt: 18

Ngày 16 tháng 4 năm 2021
[Signature] TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 13 tháng 4 năm 2021
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

[Signature]
Trưởng Thi: Ngọc Thư

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: E0NGH0

Thời gian thi: 13/04/2021 13:30:00

Thời gian kết thúc: 13/04/2021 14:30:00

Giám thị 1: NLD Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lo Tung San Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc Hiền	29/08/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT5	
2	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TC	
3	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22QT6	
4	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT5	
5	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22QT5	
6	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22QT5	
7	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TC	
8	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C22QT5	
9	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22QT6	
10	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22QT6	
11	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT5	
12	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C22QT6	
13	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT6	
14	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TC	
15	2010120015	Nguyễn Yến Nhi	23/01/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TC	
16	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22QT5	
17	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TC	
18	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22QT5	
19	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22QT6	
20	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22QT5	
21	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT5	
22	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22QT6	
23	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C22QT5	<u>[Signature]</u>
24	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TC	
25	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT5	
26	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT6	
27	2010100162	Phạm Thị Hồng Thắm	02/10/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22QT5	
28	2010100157	Võ Hồng Thắm	09/03/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT5	
29	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22QT5	
30	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22TC	
31	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT5	
32	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22QT5	
33	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22QT5	
34	2010100160	Tô Loan Thảo	18/04/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22QT5	
35	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C22QT5	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 35

Số sinh viên đạt: 35

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

Ngày 13 tháng 4 năm 2021



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 13/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Ng L P Oanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lê Tuyền Sơn Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010120018	Bùi Thị Hiền	23/07/2002	<u>[Signature]</u>		7,6	Bảy sáu	C22TC	
2	2010100154	Nguyễn Thụy Ngọc	29/08/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	chín	C22QT5	
3	2010100192	Đoàn Thị Hoài	15/06/2002	<u>[Signature]</u>		9,6	chín sáu	C22QT6	
4	2010100146	Nguyễn Thị Như Huỳnh	19/10/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	chín	C22QT5	
5	2010100159	Đinh Gia Khang	14/11/2002	<u>[Signature]</u>		6,6	Sáu sáu	C22QT5	
6	2010100168	Phạm Đăng Khoa	29/04/2002	<u>[Signature]</u>		9,6	chín sáu	C22QT6	
7	2010120011	Nguyễn Thị Liễu	18/11/2002	<u>[Signature]</u>		7,8	Bảy tám	C22TC	
8	2010100174	Trần Mạnh Long	20/11/2000	<u>[Signature]</u>		9,4	chín bốn	C22QT6	
9	2010100187	Nguyễn Võ Tấn Luận	03/06/2002	<u>[Signature]</u>		7,4	Bảy bốn	C22QT6	
10	2010100185	Đỗ Tuyết Minh	04/07/2002	<u>[Signature]</u>		6,0	Sáu	C22QT6	
11	2010100188	Lê Bình Minh	16/09/2002	<u>[Signature]</u>		8,2	Tám hai	C22QT6	
12	2010100167	Nguyễn Đức Minh	08/11/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	chín	C22QT6	
13	2010010048	Nguyễn Trần Trọng Nghĩa	15/07/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	chín	C22QT6	
14	2010120020	Dương Thị Thu Nguyệt	12/08/2002	<u>[Signature]</u>		7,6	Bảy sáu	C22TC	
15	2010120015	Nguyễn Yên Nhi	23/01/2002	<u>[Signature]</u>		8,2	Tám hai	C22TC	
16	2010100171	Trần Cao Ngọc Nhi	20/09/2002	<u>[Signature]</u>		8,8	Tám tám	C22QT6	
17	2010120005	Lê Thanh Như	07/07/2002	<u>[Signature]</u>		8,4	Tám bốn	C22TC	
18	2010100165	Trần Anh Hoàng Phi	24/05/2002	<u>[Signature]</u>		9,6	chín sáu	C22QT5	
19	2010010042	Đinh Chấn Phong	08/09/2002	<u>[Signature]</u>		8,6	Tám sáu	C22QT6	
20	2010100166	Nguyễn Thị Thanh Phương	15/10/2002	<u>[Signature]</u>		7,0	Bảy	C22QT6	
21	2010100169	Bùi Ngọc Quyên	06/12/2002	<u>[Signature]</u>		8,0	Tám	C22QT6	
22	2010100190	Nguyễn Thị Ngọc Sang	12/01/2002	<u>[Signature]</u>		8,2	Tám hai	C22QT6	
23	2010100164	Nguyễn Hoàng Sơn	24/04/2002	<u>[Signature]</u>		9,4	chín bốn	C22QT5	
24	2010120029	Lê Thị Hoài Sương	26/07/2002	<u>[Signature]</u>		8,4	Tám bốn	C22TC	
25	2010100170	Lê Văn Tâm	07/08/2002	<u>[Signature]</u>		8,4	Tám bốn	C22QT6	
26	2010100181	Lê Minh Tân	06/09/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	chín	C22QT6	
27	2010100141	Nguyễn Trí Thanh	11/04/2001	<u>[Signature]</u>		8,8	Tám tám	C22QT5	
28	2010120030	Nguyễn Minh Thành	20/11/2002	<u>[Signature]</u>		8,6	Tám sáu	C22TC	
29	2010130025	Châu Thanh Thảo	26/07/2002	<u>[Signature]</u>		9,0	chín	C22QT5	
30	2010100153	Hồ Đỗ Trung Thảo	15/09/2001	<u>[Signature]</u>		9,2	chín hai	C22QT5	
31	2010100155	Nguyễn Thuận Thảo	26/12/1993	<u>[Signature]</u>		9,6	chín sáu	C22QT5	
32	2010100161	Phạm Thị Thu Thảo	11/02/2002	<u>[Signature]</u>		6,4	Sáu bốn	C22QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010100160	Tô Loan	18/04/2002	<i>Thảo</i>		9,0	chín	C22QT5	
34	2010100162	Phạm Thị Hồng	02/10/2002	<i>Thắm</i>		8,0	Tám	C22QT5	
35	2010100157	Võ Hồng	09/03/2002	<i>Thảo</i>		9,0	chín	C22QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 35 / 1.

Số sinh viên đạt: 35 Tỷ lệ đạt: 100%

Ngày 10 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 13 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
Tướng Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902003

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trương Thị Ngọc Thu

Ngày thi: 13/04/2021

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Quang Huy

Ký tên: M

Giám thị 2: D. T. Linh

Ký tên: linh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010100150	Mai Bảo Châu	15/10/2002	<u>Chau</u>		8,4	Tám bốn	C22QT5	
2	2010100175	Ngô Trần Phúc Đại	18/03/2002	<u>Đại</u>		6,8	Sáu tám	C22QT6	
3	2010100184	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/05/2002	<u>Diệp</u>		6,8	Sáu tám	C22QT6	
4	2010120001	Võ Thị Thu Hà	10/12/1995	<u>Thu</u>		8,2	Tám hai	C22QT5	
5	2010100151	Bùi Thị Bích Hạ	09/12/2002	<u>Hạ</u>		6,0	Sáu	C22QT5	
6	2010120022	Nguyễn Anh Thư	26/09/2002	<u>Thư</u>		5,4	Năm bốn	C22TC	
7	2010100152	Nguyễn Tuệ Thư	01/09/2002	<u>Thư</u>		5,2	Năm hai	C22QT5	
8	2010100145	Võ Ngọc Anh Thư	29/10/2002	<u>Thư</u>		6,4	Sáu bốn	C22QT5	
9	2010120033	Nguyễn Thanh Thương	16/07/2002	<u>Thương</u>		8,4	Tám bốn	C22TC	
10	2010100193	Huỳnh Thị Cẩm Tiên	06/03/2002	<u>Tiên</u>		8,6	Tám sáu	C22QT6	
11	2010100183	Nguyễn Hoàng Thùy Tiên	16/12/2002	<u>Tiên</u>		8,0	Tám	C22QT6	
12	2010100176	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	09/10/2002	<u>Trâm</u>		8,8	Tám tám	C22QT6	
13	2010100186	Tạ Thiên Triều	27/11/2002	<u>Triều</u>		8,8	Tám tám	C22QT6	
14	2010100196	Bùi Lê Đức Trung	17/10/2002	<u>Trung</u>		8,6	Tám sáu	C22QT5	
15	2010120024	Nguyễn Thanh Tú	30/08/2002	<u>Tú</u>		8,8	Tám tám	C22TC	
16	2010100140	Trần Ngọc Thúy Vi	24/09/2001	<u>Vi</u>		8,4	Tám bốn	C22QT5	
17	2010100156	Cao Nguyễn Phương Vy	06/09/2002	<u>Vy</u>		5,2	Năm hai	C22QT5	
18	2010100112	Nguyễn Thị Kim Xuyên	27/02/2002	<u>Xuyên</u>		7,0	Bảy	C22QT5	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 18 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 18 / _____.

Số sinh viên đạt: 18 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 13 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu